TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: **80**/2019/DS-ST
Ngày: 11/10/2019
V/V tranh chấp "Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Châu Tiếp

2. Ông Huỳnh Ngọc Trứ

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2019/TLST- DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp Đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2019/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: **Công ty TNHH TM XNK A;**
Địa chỉ: Số 7/2A, đường H, phường I, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Chí B – Chức vụ: Giám đốc.
Đại diện theo ủy quyền: Anh Đoàn Nhật C, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Số 6/9, P, phường K, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1985;
Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1966;
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã TP, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

(Anh C có mặt, bà Đ có mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 05/6/2019 của Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A và quá trình giải quyết vụ án anh Đoàn Nhật C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Anh Nguyễn Văn D là nhân viên bán hàng của Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A. Anh D vào làm từ tháng 7/2015 công việc là nhân viên bán hàng, thu tiền từ khách hàng trả về nộp lại cho công ty. Trong quá trình làm việc từ tháng 7/2015 cho đến ngày 06/01/2017 anh D có hành vi chiếm đoạt tài sản, thu tiền khách hàng mà không nộp về cho công ty với số tiền 384.983.000 đồng. Anh

D và bà Nguyễn Thị Đ (mẹ của anh D) có xuống làm việc với công ty. Trong quá trình làm việc thì anh D xác định có chiếm dụng số tiền của công ty là 384.983.000 đồng, bà Đ cam kết bảo lãnh trả số tiền trên cho công ty cùng với anh D. Anh D có viết bản cam kết và bà Đ cũng ký tên vào bản cam kết ngày 06/01/2017. Nội dung cam kết thể hiện hình thức trả nợ năm 2017 trả 90.000.000 đồng, chia làm 03 đợt, cụ thể:

+ Đợt 1: Ngày 15/3/2017 trả 50.000.000 đồng.

+ Đợt 2: Ngày 15/7/2017 trả 20.000.000 đồng.

+ Đợt 3: Ngày 15/11/2017 trả 50.000.000 đồng.

Số tiền còn lại bà Nguyễn Thị Đ, anh Nguyễn Văn D cũng đồng ý trả bằng hình thức và thời gian như trên ở những năm tiếp theo.

Nhưng kể từ khi ký tên vào bản cam kết ngày 06/01/2017 anh D chỉ trả được tổng cộng 23.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản ngân hàng, số tiền còn lại anh D và bà Đ không thanh toán đúng hẹn như cam kết. Hiện anh D, bà Đ còn nợ lại công ty số tiền 361.983.000 đồng. Nay Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Đ liên đới trả cho Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A số tiền 361.983.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 16/3/2017 đến 16/5/2019 là 361.983.000 đồng x 0,83%/tháng x 26 tháng = 78.115.930 đồng. Tổng cộng là 440.098.930 đồng, yêu cầu trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại biên bản hòa giải ngày 24/7/2019 và ngày 14/8/2019 bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Anh D có làm việc tại Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A như đại diện theo ủy quyền của công ty trình bày, trong quá trình làm việc thì anh D có thu tiền của khách hàng và không giao lại cho Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A số tiền 384.983.000 đồng. Vào ngày 06/01/2017 thì bà và anh D có đến Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A và có làm bản cam kết có nợ công ty số tiền trên và có hứa trả từng đợt như đại diện theo ủy quyền của công ty trình bày là đúng. Bà và anh D có trả được cho Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A số tiền tổng cộng là 23.000.000 đồng, hiện bà và anh D còn nợ lại Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A số tiền 361.983.000 đồng. Nay Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A yêu cầu bà và anh D trả số tiền 361.983.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 16/3/2017 đến 16/5/2019 là 361.983.000 đồng x 0,83%/tháng x 26 tháng = 78.115.930 đồng, tổng cộng là 440.098.930 đồng bà đồng ý trả, nhưng xin được trả dần mỗi năm sẽ trả 30.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh D vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn D liên đới trả số tiền 440.098.930 đồng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ đồng ý trả số tiền như yêu cầu của nguyên đơn nhưng xin trả dần mỗi năm trả 30.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp là "Đòi lại tài sản". Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã TP, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A có đại diện theo ủy quyền là anh Đoàn Nhật C yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn D liên đới trả cho công ty số tiền là 440.098.930 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ vào bản cam kết ngày 06/01/2017 có thể hiện chữ ký của anh Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Đ, nội dung bản cam kết thể hiện anh D cũng thừa nhận "trong quá trình làm việc tại công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A anh có tham lạm hàng hóa và tiền của công ty tổng cộng là 384.983.000 đồng, anh và gia đình có đại diện là bà Nguyễn Thị Đ cam kết khắc phục hậu quả đứng ra cam kết trả số tiền còn nợ cho Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A theo từng đợt như trong bản cam kết và đồng ý trả lãi đối với số tiền trên. Nhưng từ khi làm bản cam kết ngày 06/01/2017 anh D chỉ trả được tổng cộng 23.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản ngân hàng, số tiền còn lại anh D và bà Đ không thanh toán đúng hẹn như cam kết. Hiện anh D, bà Đ còn nợ lại công ty số tiền 361.983.000 đồng. Việc anh D và bà Đ không thực hiện đúng nội dung bản cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A.

[4] Tại biên bản hòa giải ngày 24/7/2019 và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Đ thừa nhận vào ngày 06/01/2017 bà và anh D có đến Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A làm bản cam kết và đồng ý ký tên vào bản cam kết ngày 06/01/2017. Bà thừa nhận anh D có nợ Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A số tiền như công ty yêu cầu và bà cũng đồng ý trả số tiền theo yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A, nhưng xin trả dần

mỗi năm trả 30.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Bị đơn anh Nguyễn Văn D đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật từ khi Tòa án thu lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nhưng anh D vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy anh D đã thừa nhận còn nợ và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc cố tình vắng mặt là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[6] Về thời gian trả nợ: Nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A yêu cầu trả 01 lần, bị đơn bà Nguyễn Thị Đ xin trả dần, anh D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Do nguyên đơn và bị đơn không thống nhất thời gian trả số tiền nợ 440.098.930 đồng. Cho nên, về phương thức trả, thời gian trả số tiền nợ là do hai bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A số tiền 440.098.930 đồng.

[8] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A, căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, nên anh Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Đ liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng + 4% (440.098.930 đồng – 400.000.000 đồng) = 21.604.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 166; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1.Về dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A số tiền 440.098.930 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn D liên đới chịu 21.604.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A 21.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002457 ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu A, bà Nguyễn Thị Đ có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo bản án sở thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Kim Thoa